

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2025

YÊU CẦU MỜI CHÀO GIÁ

Áp dụng đối với nhu cầu mua sắm vật tư tiêu hao hóa chất đợt 6 năm 2025

Kính gửi: Các Hãng sản xuất, Nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Mắt có nhu cầu tiếp nhận báo giá/TNKT để tham khảo, xây dựng giá các gói thầu mua sắm vật tư tiêu hao hóa chất đợt 6 năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá/ tính năng kỹ thuật:

1. Đơn vị yêu cầu mời chào giá: Bệnh viện Mắt Thành phố Hồ Chí Minh

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm mời chào giá/ tính năng kỹ thuật:

Họ tên : Nguyễn Tuấn Anh

Chức vụ : Trưởng phòng Vật tư, thiết bị y tế

Số điện thoại : (028).3932.5364 - 1224

Địa chỉ email : vttbyt@bvmat.vn

3. Cách thức tiếp nhận tài liệu mời chào giá/ tính năng kỹ thuật: Nhận trực tiếp qua đường văn thư tại địa chỉ: Phòng Hành chính Quản trị - Bệnh viện Mắt – Địa chỉ: 280 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trên phong bì ghi rõ:

Tiêu đề: “Báo giá vật tư tiêu hao hóa chất đợt 6 năm 2025 theo công văn số/BVM-VTTBYT”

Nơi nhận: Phòng Hành chính Quản trị - Bệnh viện Mắt – 280 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Đồng thời gửi file theo hướng dẫn ở cuối văn bản và Mục II.2 các thông tin khác.

4. Thời hạn tiếp nhận mời chào giá/ tính năng kỹ thuật: Từ 08h ngày 07 tháng 8 năm 2025 đến trước 10h30 ngày 18 tháng 8 năm 2025.

5. Thời hạn có hiệu lực của giá/ tính năng kỹ thuật: Tối thiểu **180 ngày**, kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2025.

II. Danh mục yêu cầu mời chào giá/ tính năng kỹ thuật:

1. Danh mục mời chào giá và tính năng kỹ thuật: theo **Phụ lục** đính kèm.

2. Các thông tin khác: gửi File Báo giá và các tài liệu khác (nếu có) qua đường link: <https://forms.gle/DGqCRLF5PFfDfYkt5> hoặc Mã QR code (xem cuối văn bản).

a. Đối với Báo giá (Biểu mẫu 1): định dạng file **EXCEL** (.xls, .xlsx)

b. Đối với các tài liệu khác: định dạng file dạng **PDF**



3. Lưu ý:

Trong tài liệu của quý công ty vui lòng sử dụng đúng biểu mẫu - **KHÔNG** xóa, **KHÔNG** thay đổi thứ tự các cột, các nội dung trong các biểu mẫu đính kèm (biểu mẫu 1). Nội dung nào không có thì quý công ty để trống hoặc ghi không có, nộp kèm theo tài liệu tính năng kỹ thuật gồm các tài liệu liên quan đến sản phẩm, hợp đồng hoặc quyết định trúng thầu, thông báo trúng thầu (nếu có).

Cột “Tính năng kỹ thuật của Công ty” phải khai báo thông tin chính xác, trung thực, đầy đủ, và sẵn sàng cung cấp Tài liệu/ Hồ sơ chứng minh khi được yêu cầu; đây là một trong các căn cứ xét duyệt giá của hàng hóa.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT; VTTBYT (VTTT_2b)



GIÁM ĐỐC

Lê Anh Tuấn

(điền Header của Công ty)
BÁO GIÁ

Áp dụng đối với nhu cầu mua sắm vật tư tiêu hao hóa chất đợt 6 năm 2025

Kính gửi: BỆNH VIỆN MẮT

Trên cơ sở yêu cầu báo giá/ tính năng kỹ thuật của BỆNH VIỆN MẮT, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp] xin cung cấp báo giá cho mua sắm vật tư tiêu hao hóa chất đợt 6 năm 2025 như sau:

1. Danh mục:

Stt	Mã VT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng (*)	Đơn giá + VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng (**)	Tính năng kỹ thuật của Công ty cung cấp	Tên Công ty/ Nhà cung cấp	Hồ sơ công bố sản phẩm đủ điều kiện lưu hành	Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến (***)
	(1)	(2)				(3)	(4)	A	B = A x (4)		(5)		(6)		(7)	(8)
1																
2																

(1), (2), (3), (4), (5): Theo thông tin trong Danh mục của bệnh viện (mục II.1)

(6): Công ty phải khai báo thông tin chính xác, trung thực, đầy đủ, và sẵn sàng cung cấp Tài liệu/ Hồ sơ chứng minh khi được yêu cầu

(7): số công bố và ngày ban hành của hồ sơ công bố sản phẩm đủ điều kiện lưu hành (có hiệu lực tối thiểu đến hết thời điểm hiệu lực của báo giá)

(8): Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến: 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. (*): số lượng dự kiến sử dụng 12 tháng.

2. Tài liệu này có hiệu lực trong vòng: 180 ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ...

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Những thông tin nêu trong tài liệu trên là trung thực và không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh.



Link khai báo



Link lấy file

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

PHỤ LỤC

(Đính kèm công văn số: 1833/BVM-VTTBYT ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Bệnh viện Mắt)

Stt	MÃ VT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng (*)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng (**)	Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến (***)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(8)
1	VT0 92	Chỉ Nylon 10.0, 2 kim hình thang	Tép	6.717	Chỉ Nylon 10-0 Vật liệu: Nylon 66, dạng sợi đơn. Kích cỡ: 10-0 (UPS), dài ≥ 30 cm Kim: 02 kim hình thang dài ≥ 6.0 mm, độ cong 3/8 (3/8 vòng tròn). Kim làm bằng thép cứng bó sợi không rỉ và được phủ silicon. Lỗ đuôi kim nối chỉ được tạo bằng laser. Đóng gói tiết trùng. Xuất xứ: Các nước Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật Tiêu chuẩn: FDA và CE	Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật	FDA và CE	24 tháng
2	VT0 93	Chỉ Nylon 9.0, 2 kim hình thang	Tép	575	Chỉ Nylon 9-0 Vật liệu: Nylon 66, dạng sợi đơn. Kích cỡ: 9-0 (UPS), dài ≥ 30 cm Kim: 02 kim hình thang dài ≥ 6.0 mm, độ cong 3/8 (3/8 vòng tròn). Kim làm bằng thép cứng bó sợi không rỉ và được phủ silicon. Lỗ đuôi kim nối chỉ được tạo bằng laser. Đóng gói tiết trùng. Xuất xứ: Các nước Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật Tiêu chuẩn: FDA và CE	Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật	FDA và CE	24 tháng
3	VT0 94	Chỉ Polypropylene 10-0, 2 kim thẳng	Tép	177	Chỉ polypropylene số 10/0, dài ≥ 20 cm. 2 kim thẳng hình thang, dài ≥ 16 mm. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	24 tháng
4	VT1 02	Dao mổ 15 độ	Cái	26.596	Dao 15 độ Lưỡi bằng thép không gỉ, được phủ Silicone Lưỡi dao mỏng < 0.15 mm Vạch đánh dấu chiều sâu lưỡi dao tại 1.0mm và 1.2mm Được xử lý chống chói lóa Xuất xứ: Các nước Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật Tiêu chuẩn: FDA và CE (không bao gồm FDA 510k)	Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật	FDA và CE (không bao gồm FDA 510k)	24 tháng
5	VT1 03	Dao mổ phaco 2.2 mm	Cái	13.437	Dao mổ phaco 2.2mm Lưỡi bằng thép không gỉ, được phủ Silicone Kích thước: 2.2mm Lưỡi dao mỏng < 0.15 mm Vạch đánh dấu chiều sâu lưỡi dao tại 1.5mm và 2.0mm Được xử lý chống chói lóa Xuất xứ: Các nước Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật Tiêu chuẩn: FDA và CE	Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật	FDA và CE	24 tháng
6	VT1 04	Dao mổ phaco 3.0 mm	Cái	20.710	Dao mổ phaco 3.0mm Lưỡi bằng thép không gỉ, được phủ Silicone Kích thước: 3.0mm Lưỡi dao mỏng < 0.15 mm Vạch đánh dấu chiều sâu lưỡi dao tại 1.5mm và 2.0mm Được xử lý chống chói lóa Xuất xứ: Các nước Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật Tiêu chuẩn: FDA và CE (không bao gồm FDA 510k)	Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật	FDA và CE (không bao gồm FDA 510k)	24 tháng

Stt	MÃ VT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng (*)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng (**)	Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến (***)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(8)
7	VT1 18	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Can	279	Khử khuẩn dùng trong vệ sinh tay ngoại khoa, Hoạt chất gồm: Chlorhexidine digluconate 4% hoặc tương đương. Xuất xứ: Nhóm nước G7 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	24 tháng
8	VT1 20	Găng tay phẫu thuật các cỡ	Đôi	536.823	- Kích cỡ: các size. - Chiều dài tối thiểu 280mm, độ dày $\geq 0,1$ mm, có bột, chất liệu: latex, không gây kích ứng da. - Thiết kế sử dụng được 2 tay. - Đóng gói tiệt trùng từng đôi. - Xuất xứ: Nhóm nước G7, Malaysia Nhà cung cấp cam kết tính năng: "không gây kích ứng da"	G7, Malaysia	CE hoặc FDA	24 tháng
9	VT1 37	Miếng xốp cầm máu tự tiêu	Cái	410	- Chất liệu: bằng gelatin, dạng bột xốp, kích thước (7x5x1) cm hoặc (8x5x1) cm. - Thời gian tự tiêu hoàn toàn từ 4 đến 6 tuần. - Đóng gói tiệt trùng bằng nhiệt khô từng miếng. - Xuất xứ: Nhóm nước G7, Châu Âu Nhà thầu cam kết: - Thời gian bắt đầu cầm máu ≤ 1 phút đối với trường hợp lỗ xương nhỏ (như mở lỗ xương trên xương mũi) và các trường hợp cắt xương lớn hơn thời gian cầm máu có thể lâu hơn	G7, Châu Âu	CE hoặc FDA	24 tháng
10	VT1 39	Nhầy kết dính 200	Ống	4.030	Loại: kết dính (Cohesive) Thể tích: ≥ 0.85 ml Độ nhớt: ≥ 200.000 mPas Thành phần: $\geq 1.0\%$ sodium hyaluronate Trọng lượng phân tử: $\geq 2.000.000$ Daltons Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm G7	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	24 tháng
11	VT1 40	Nhầy kết dính 600	Ống	36.931	Loại: kết dính (Cohesive) Thể tích: ≥ 0.85 ml Độ nhớt: ≥ 600.000 mPas Thành phần: $\geq 1.0\%$ sodium hyaluronate Trọng lượng phân tử: $\geq 2.500.000$ Daltons. Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm G7	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	24 tháng
12	VT1 41	Nhầy phân tán HPMC 03	Ống	11.741	Loại: Phân tán (Dispersive) Thể tích: ≥ 2 ml Độ nhớt: ≥ 3.000 mPas Thành phần: $\geq 2\%$ Hydroxypropyl methyl cellulose Trọng lượng phân tử: Không yêu cầu. Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm G7	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	24 tháng
13	VT1 42	Nhầy phân tán HPMC 30	Ống	17.831	Loại: Phân tán (Dispersive) Thể tích: ≥ 2 ml Độ nhớt: ≥ 30.000 mPas Thành phần: $\geq 2\%$ Hydroxypropyl methyl cellulose Trọng lượng phân tử: Không yêu cầu. Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm G7	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	24 tháng
14	VT1 43	Nhầy phân tán một thành phần	Ống	29.834	Loại: Phân tán (Dispersive) Thể tích: ≥ 1 ml Độ nhớt: ≥ 30.000 mPas Thành phần: $\geq 3\%$ sodium hyaluronate Trọng lượng phân tử: ≥ 600.000 Daltons Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm G7	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	24 tháng

Stt	MÃ VT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng (*)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng (**)	Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến (***)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(8)
15	VT2 04	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ mức độ cao	Can	55	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ mức độ cao - Thành phần: 0,55% Ortho-phthalaldehyde (CAS 643-79-8), chất chống tạo bọt, chất hoạt động bề mặt, hương liệu,.... - pH: 6.5-8.5 - Khử khuẩn mức độ cao trong 5 phút. - Dung dịch trong chậu ngâm sử dụng được trong 14 ngày (tặng kèm test thử để kiểm tra hiệu quả dung dịch). - Thời gian sử dụng dung dịch trong can đã mở nắp: 75 ngày - Tiêu chuẩn chất lượng: EN 14561 (vi khuẩn) EN 14562 (nấm mốc) EN 14563 (Mycobacterium trực khuẩn lao) EN 14476:2013 + A2:2019 (vi rút) - Khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế, nha khoa, các thiết bị y tế và dụng cụ không chịu nhiệt. - Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu. - Xuất xứ: Châu Âu và các nước thuộc nhóm G7	G7, Châu Âu	CE hoặc FDA	24 tháng
16	VT2 05	Dung dịch ngâm rửa và khử khuẩn dụng cụ	Chai	388	1. Thành phần: $\geq 14\%$ N,N-Didecyl-N-Methyl-poly(oxyethyl)ammonium propionate + $\geq 0,3\%$ Chlorhexidine digluconate, hỗn hợp 3 enzym: protease, lipase và amylase, chất hoạt động bề mặt 2. Làm sạch và khử nhiễm. Thời gian tiếp xúc: từ 5 phút Nồng độ sử dụng $\leq 0.5\%$ (25ml dung dịch trong 5 lít nước) 3. Đạt tiêu chuẩn: ISO 15883 (chống lại màng Biofilm) 4. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485, ISO 9001 5. Hiệu quả diệt khuẩn: Diệt khuẩn EN 14561 (Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Enterococcus hirae...) Diệt virus EN 14476 (HIV-1, HBV, HCV,HSV 1...) Diệt virus có vỏ bọc theo tiêu chuẩn EN 17111 (Vaccinia virus...) Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm G7	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	24 tháng
17	VT2 06	Dung dịch phun khử trùng nhanh các bề mặt	Chai	121	- Thành phần: $\geq 0.3\%$ Didecyldimethyl ammonium chloride, chất hoạt động bề mặt, không chứa cồn - Làm sạch và khử khuẩn bề mặt trang thiết bị y tế. Dạng phun khử trùng nhanh bề mặt. - Hiệu quả diệt khuẩn theo EN 16615 (Enterococcus hirae, Pseudomonas aeruginosa, Staphylococcus aureus), Diệt virus theo tiêu chuẩn EN 14476 (Adenovirus, Norovirus Murine MNV) - Bảo quản sử dụng ≥ 24 tháng - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 Xuất xứ: Nhóm nước G7 Đạt tiêu chuẩn CE, FDA	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	24 tháng

Stt	MÃ VT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng (*)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng (**)	Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến (***)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(8)
18	VT2 07	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh	Chai	2.805	1. Thành phần: Ethanol $\geq 70\%w/w$ + Propanol-2-ol $\leq 1,74\%w/w$, Bisabolol (chất bảo vệ da), Glycerin (chất dưỡng ẩm da) 2. Cồn sát khuẩn tay dạng thixotropic gel 3. Đạt tiêu chuẩn: Vệ sinh tay thường quy EN 1500, Vệ sinh tay ngoại khoa EN 12791 4. Hiệu quả diệt khuẩn: Diệt virus HIV, Rotavirus, H1N1 trong 30 giây theo tiêu chuẩn EN 14476, và diệt Coronavirus, SARS trong 30 giây theo tiêu chuẩn BGA & DVV Diệt khuẩn theo tiêu chuẩn EN 13727 trong 30 giây, Diệt nấm hoặc nấm men theo tiêu chuẩn EN 13624, Diệt vi khuẩn lao theo tiêu chuẩn EN 14348 trong 30 giây. 5. Khả năng kháng khuẩn của sản phẩm trong vòng 6 tháng sau khi mở nắp 6. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 9001 Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm G7 Đạt tiêu chuẩn CE, FDA	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
19	VT2 08	Dung dịch rửa tay sát khuẩn thường quy	Chai	1.526	1. Thành phần: 3.00% Cocamidopropyl betaine, 1.80% Sodium C14-17 alkyl sec sulfonate. 2. Thích hợp cho da nhạy cảm, giàu chất làm ẩm da 3. Đạt tiêu chuẩn ISO 11930 (Khả năng kháng khuẩn của sản phẩm trong 15 tuần kể từ ngày mở nắp) Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm G7 Đạt tiêu chuẩn CE, FDA	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	24 tháng
20	VT2 15	Chỉ thị hóa học nhóm 4 - tối thiểu hai thông số cho công nghệ plasma	Miếng	15.500	Chỉ thị hóa học nhận dạng H₂O₂, tương thích với các dòng máy tiệt khuẩn STERRAD. Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm G7	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	24 tháng
21	VT2 17	Túi ép dẹp 100mm x 200m	Cuộn	94	Túi ép dẹp: (100mm x 200m) $\pm 5\%$. Chất liệu: gồm giấy $\geq 70gr$ và nhựa chịu được nhiệt. Thích hợp cho ít nhất 02 quá trình tiệt trùng: Hơi nước, Khí EO. Chỉ thị sẽ chuyển màu tùy theo quá trình tiệt trùng. Xuất xứ: nhóm nước G7	Nhóm nước G7	-	24 tháng
22	VT2 18	Túi ép dẹp 150mm x 200m	Cuộn	121	Túi ép dẹp: (150mm x 200m) $\pm 5\%$. Chất liệu: gồm giấy $\geq 70gr$ và nhựa chịu được nhiệt. Thích hợp cho ít nhất 02 quá trình tiệt trùng: Hơi nước, Khí EO. Chỉ thị sẽ chuyển màu tùy theo quá trình tiệt trùng. Xuất xứ: nhóm nước G7	Nhóm nước G7	-	24 tháng

Diễn giải:

(*) Số lượng sử dụng cho 12 tháng

(**) Các tiêu chuẩn chất lượng (bên cạnh ISO 13485 là tiêu chuẩn bắt buộc đối với thiết bị y tế được phân loại theo NB 98/2021/NĐ-CP)

(***) Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến